

**BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN DINH DƯỠNG - TIẾT CHẾ
LỚP CĐDD9A**

GV PHỤ TRÁCH: CN. Trịnh Thị Kiều Diễm

Tín chỉ: 2

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình				ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			10%	10%	20%							
			Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2						
1	1510010001	Nguyễn Như Ái	9.0	7.0	6.8	7.0	7.3	4.9	5.9	C	Trung bình	
2	1510010002	Phạm Trường An	9.0	7.0	7.4	9.0	8.1	3.2	5.2	D	Trung bình yếu	
3	1510010003	Huỳnh Tuấn Anh	9.0	7.5	6.8	8.0	7.7	4.1	5.5	C	Trung bình	
4	1510010078	Đào Hồng Chi	9.0	7.2	6.6	7.0	7.2	4.3	5.5	C	Trung bình	
5	1510010006	Thạch Thị Xuân Đào	9.0	7.2	7.0	10.0	8.4	3.9	5.7	C	Trung bình	
6	1510010008	Huỳnh Tấn Dương	9.0	7.0	7.2	10.0	8.4	2.7	5.0	D	Trung bình yếu	
7	1510010077	Phạm Hải Điền	9.0	7.0	7.8	10.0	8.6	3.2	5.4	D	Trung bình yếu	
8	1510010010	Trần Ngọc Hân	9.0	8.0	8.4	10.0	9.0	6.3	7.4	B	Khá	
9	1510010080	Nguyễn Ngọc Huyền	9.0	8.0	8.6	10.0	9.0	5.0	6.6	C	Trung bình	
10	1510010014	Nguyễn Thị Cẩm Hường	9.0	7.0	8.0	10.0	8.7	5.2	6.6	C	Trung bình	
11	1510010015	Vũ Khánh	9.0	7.0	7.6	9.0	8.2	5.5	6.6	C	Trung bình	
12	1510010016	Phan Hải Lam	9.0	7.0	7.0	7.0	7.3	3.4	5.0	D	Trung bình yếu	
13	1510010017	Lê Xuân Lâm	9.0	7.0	7.2	7.0	7.4	5.1	6.0	C	Trung bình	
14	1510010063	Nguyễn Thanh Liêm	9.0	7.0	7.8	10.0	8.6	5.5	6.7	C	Trung bình	
15	1510010020	Thái Lê Hoài Linh	9.0	7.0	7.2	10.0	8.4	3.2	5.3	D	Trung bình yếu	
16	1510010022	Nguyễn Thanh Loan	9.0	7.0	6.8	8.0	7.6	3.0	4.8	D	Trung bình yếu	
17	1510010058	Danh Hoàng Lực	9.0	7.2	8.0	10.0	8.7	5.0	6.5	C	Trung bình	
18	1510010070	Danh Ngọc Mai	9.0	8.0	8.4	10.0	9.0	5.4	6.8	C	Trung bình	
19	1510010024	Lê Huỳnh Diễm Mi	9.0	7.5	6.2	8.0	7.5	4.1	5.5	C	Trung bình	
20	1510010026	Phan Thị Mơ	9.0	8.0	8.0	10.0	8.8	6.7	7.5	B	Khá	
21	1510010028	Thạch Thúy Ngân	9.0	7.5	6.6	8.0	7.6	3.2	5.0	D	Trung bình yếu	
22	1510010030	Trần Thị Ngoãn	9.0	7.0	6.0	7.0	7.0	2.8	4.5	D	Trung bình yếu	
23	1510010032	Trương Kim Ngôn	9.0	7.0	8.0	9.0	8.3	5.1	6.4	C	Trung bình	
24	1510010034	Phan Ngọc Nhiễm	9.0	7.0	7.2	9.0	8.1	6.3	7.0	B	Khá	
25	1510010036	Trần Thị Huỳnh Như	9.0	8.0	8.0	10.0	8.8	5.8	7.0	B	Khá	
26	1510010038	Hứa Minh Nhựt	9.0	7.2	8.2	10.0	8.8	5.6	6.9	C	Trung bình	
27	1510010040	Trịnh Hoàng Phi	9.0	7.0	7.8	10.0	8.6	6.2	7.2	B	Khá	
28	1510010041	Lâm Mỹ Phụng	9.0	7.5	6.8	8.0	7.7	4.5	5.8	C	Trung bình	
29	1510010075	Son Tài	9.0	7.0	8.0	7.0	7.7	4.0	5.5	C	Trung bình	
30	1510010043	Phạm Văn Tâm	9.0	8.0	8.0	10.0	8.8	5.0	6.5	C	Trung bình	
31	1510010045	Lê Hiệp Thành	9.0	7.0	8.0	8.0	8.0	3.7	5.4	D	Trung bình yếu	
32	1510010047	Lê Cẩm Thi	9.0	7.0	7.2	7.0	7.4	4.0	5.4	D	Trung bình yếu	
33	1510010049	Nguyễn Hồng Thoa	9.0	8.0	5.0	10.0	7.8	3.7	5.3	D	Trung bình yếu	
34	1510010051	Bùi Gia Toàn	9.0	7.2	6.2	7.0	7.1	4.4	5.5	C	Trung bình	
35	1510010052	Nguyễn Thị Cẩm Tú	9.0	7.5	6.4	8.0	7.6	4.1	5.5	C	Trung bình	
36	1510010074	Trần Ngọc Tú	9.0	7.5	6.4	8.0	7.6	5.4	6.3	C	Trung bình	

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình				ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại	GHI CHÚ
			10%	10%	20%							
			Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2						
37	1510010054	Kim Thanh Tùng	9.0	7.0	6.8	7.0	7.3	4.1	5.4	D	Trung bình yếu	
38	1510010056	Phạm Thị Tường Vi	9.0	7.2	7.0	8.0	7.7	4.5	5.8	C	Trung bình	
39	1510010072	Trần Như Ý	9.0	7.5	6.4	8.0	7.6	4.4	5.7	C	Trung bình	

Ghi chú: Danh sách này có 39 sinh viên; đạt yêu cầu: 39, không đạt yêu cầu: 0

Xếp loại học tập:
Giỏi: 0
Khá: 5
Trung bình: 22
TB yếu: 12
Kém: 0

Điểm tổng kết = (Trung bình kiểm tra * 4 + Trung bình thi * 6)/10
Bạc Liêu, ngày 12 tháng 12 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH
GV PHỤ TRÁCH
LẬP BẢNG

Lý Chí Dũng
Trịnh Thị Kiều Diễm
Huỳnh Điền Côn